

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 556/TTMS-NVDT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2022

V/v vướng mắc trong quá trình ký kết hợp
đồng cung ứng thuốc thuộc các gói thầu
đấu thầu tập trung Quốc gia giai đoạn
2022-2023

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các nhà thầu được lựa chọn trúng thầu.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã công bố kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc danh mục đấu thầu lập trung cấp quốc gia giai đoạn 2022-2023 tại các Quyết định số: 57/QĐ-TTMS, 58/QĐ-TTMS, 59/QĐ-TTMS ngày 03/8/2022 và 60/QĐ-TTMS, 61/QĐ-TTMS và 62/QĐ-TTMS ngày 12/8/2022.

Trung tâm đã ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện kết quả đấu thầu lập trung cấp quốc gia giai đoạn 2022-2023 tại công văn số 530/TTMS-NVDT ngày 16/8/2022 và công văn số 533/TTMS-NVDT ngày 22/8/2022.

Trung tâm nhận được một số ý kiến của Nhà thầu và cơ sở y tế về các vướng mắc trong quá trình ký kết hợp đồng cung ứng thuốc, sau khi nghiên cứu, Trung tâm có ý kiến như sau:

1. Việc một số cơ sở y tế yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu để ký kết hợp đồng bao gồm các bản chứng thực sao y từ bản chính đối với: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Thỏa thuận khung, Bào lãnh thực hiện hợp đồng.... Việc cơ sở y tế yêu cầu nhà thầu cung cấp bản chứng thực sao y từ bản chính các tài liệu nêu trên gây khó khăn cho nhà thầu trong việc thực hiện các thủ tục hành chính phát sinh, làm tăng chi phí để thực hiện các gói thầu và chưa phù hợp với quy định của công tác đấu thầu tập trung.

Theo quy định tại Ý 3, Điểm g, Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước:

“ Đối với khoản chi mua sắm theo phương thức tập trung:

KBNN kiểm soát đảm bảo: Có trong danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia (do Bộ Tài chính ban hành); danh mục thuốc chữa bệnh tập trung (do Bộ Y tế ban hành); danh mục mua sắm tập trung cấp Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (do các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành), đảm bảo Hợp đồng phù hợp với Thỏa thuận khung (thỏa thuận khung



được đơn vị mua sắm tập trung đăng tải trên Trang thông tin điện tử về tài sản công hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công (đối với tất cả các gói thầu mua sắm tập trung) và Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh (đối với các gói thầu mua sắm tập trung của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh)."

Trung tâm đề nghị các cơ sở y tế căn cứ vào các Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Thỏa thuận khung, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng,... đã được Trung tâm công bố trên cổng thông tin của Bộ Y tế và đường link https://www.mediafire.com/folder/570gmrkpgppka/KQLCNT_DTTT_2022-2023 để thực hiện việc ký kết hợp đồng với các nhà thầu trúng thầu.

2. Nhằm tạo thuận lợi cho việc ký kết hợp đồng cung cấp thuốc, Trung tâm cung cấp bổ sung thông tin hạn dùng (tuổi thọ) của các thuốc trúng thầu được phê duyệt tại các Quyết định số 57/QĐ-TTMS, 58/QĐ-TTMS và 59/QĐ-TTMS ngày 03/8/2022; Quyết định số: 60/QĐ-TTMS, 61/QĐ-TTMS và 62/QĐ-TTMS ngày 12/8/2022. (Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Trung tâm đề nghị Nhà thầu khẩn trương hoàn thiện và gửi bản scan hợp đồng với các cơ sở y tế về hòm thư điện tử của Trung tâm theo địa chỉ trungtamstt@gmail.com hoặc nghepvudauthau.tlms@moh.gov.vn trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa rõ đề nghị các đơn vị phản ánh về Trung tâm để cùng xem xét, phối hợp giải quyết. *(Chữ ký)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Trần Văn Thuận (Đề b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Phòng NV Dược;
- Lưu: VT, NVBL.

CHẤM ĐỌC

Lê Thanh Dũng

PHỤ LỤC: THỐNG TIN VỀ HẠN DÙNG (TUỔI THỌ) CỦA THUỐC TRƯNG THẦU CÁC GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU
TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2022-2023

(Kèm theo công văn số 556/TAS-VPTT ngày 08/9/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Bảng chữ	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Sháo T/CKT	Tên thuốc	SĐK/GPNK	Hạn dùng (tuổi đời)	Nhà sản xuất	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quy định số
1	1	C08CA01.01.01.N1	Amlodipin	5mg	Viên nén	Uống	Viên	1	AMLODIPINE STELLA SMG	VD-70136-13	30 tháng	Công ty TNHH Liên châu Softpharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, hộp 3 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SẮC GON	57QD-TTMS
2	3	J01CB02.01.01.N1	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg - 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medohex 625mg	VN-19877-13	36 tháng	Medohex Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 4 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U N I VIỆT NAM	57QD-TTMS
3	5	J01CB07.01.01.N1	Amoxicillin + Azithromycin	500mg - 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Amoxicillin Quiclin 625mg	VN-18395-13	36 tháng	Lek Pharmaceuticals Ltd	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 2 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	57QD-TTMS
4	6	J01CB07.01.01.N1	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg - 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medohex 1g	VN-20357-13	24 tháng	Medohex Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 7 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U N I VIỆT NAM	57QD-TTMS
5	8	L02BA03.01.01.N1	Anastrozole	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Anastrozole	VN-542-17	36 tháng	Syntex Biopharma, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U N I VIỆT NAM	60QD-TTMS
6	9	L02BA03.01.01.N2	Anastrozole	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	ZOLETRAZ	VN-543-17	36 tháng	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 2 vỉ x 14 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	57QD-TTMS
7	10	C10AA05.01.01.N1	Anastrozole	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Aroz 1g	VN-13862-18	24 tháng	Biofarm Sp. aoo	Poland	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U N I VIỆT NAM	57QD-TTMS
8	11	C10AA05.01.01.N2	Anastrozole	1mg	Viên nén	Uống	Viên	2	Lipox 1g	VD-32434-18	48 tháng	CTCP Dược Hòa Giang - CN sản xuất BP Dược Hòa Giang	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÒA GIANG	57QD-TTMS
9	12	J01DB04.01.01.N1	Cefadroxil	500mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	1	Nurox	VN-21736-19	24 tháng	S.C. Antibiotics S.A.	Rumania	Hộp 1 vỉ, 1 vỉ, 100 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LA VIỆT NAM	57QD-TTMS
10	13	J01DB04.01.01.N2	Cefadroxil	500mg	Viên nang	Uống	Viên	2	Cefadroxil PMS 500mg	VD-27301-17	36 tháng	Công ty cổ phần Pyropharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT BỤ Y TẾ (QUANG THỊ)	57QD-TTMS
11	14	J01DB01.01.06.N1	Cefepim	2g	Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Cefepim Fresenius Kabi 2g	VN-20139-16	24 tháng	Laborat - Laboratorios Almir, S.A	Bồ Đào Nha	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2	57QD-TTMS
12	15	J01DB01.01.06.N2	Cefepim	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Moxepin 2g	VD-28301-17	36 tháng	Công ty Cổ Phần Pyropharm	Việt Nam	Hộp 10 lọ pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYROPHARCO	57QD-TTMS
13	16	J01DB01.02.06.N1	Cefepim	1g	Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Cefepime Kabi 1g	VN-20138-16	24 tháng	CSSK Labesix - Laboratorios Almir, S.A CSTG Fresenius Kabi Lipox S.R.L	CSSK Bồ Đào Nha CSTG Y	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2	57QD-TTMS
14	17	J01DB01.02.06.N2	Cefepim	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Moxepin 1g	VD-20325-17	36 tháng	Công ty Cổ Phần Pyropharm	Việt Nam	Hộp 10 lọ pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYROPHARCO	57QD-TTMS
15	18	J01DB01.01.06.N1	Cefotaxim	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Taxamyl cefotaxime 2500	VD-14445-17	24 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Taxamyl	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	57QD-TTMS
16	19	J01DB01.01.06.N2	Cefotaxim	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Cefotaxime 2500	VD-15003-17	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Taxamyl	Việt Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BẠCH LINH	57QD-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ tên chủ	Số đăng ký	Dạng bào chế	Thuốc được	Đơn vị tính	Nhiệm vụ	Tên thuốc	SĐK/GPDK	Hạn dùng (mới)	Minister	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quyết định số
17	20	J01DB01 02.05.N1	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	1	Tenamed-Cefazolin 1000	VD-1947-13	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
18	21	J01DB01 02.05.N2	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	2	Cefazolin 1000	VD-19017-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
19	22	J01DB02 01.05.N1	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	1	Tenamed-cefazolin 2000	VD-19448-13	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
20	23	J01DB02 01.05.N2	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	2	Cefazolin 2000	VD-19013-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
21	24	J01DB02 02.05.N1	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	1	Tenamed-cefazolin 1000	VD-19447-13	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
22	25	J01DB02 02.05.N2	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	2	Cefazolin 1000	VD-19015-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
23	26	J01DB04 01.05.N1	Cefazolin	lg	Hạt pha tiêm	Tên thương mại	Lô	1	Polimorin	VN-20374-17	24 tháng	Pharmaceutical Works, Paphos S.A.	Hy Lạp	Hộp 1 lg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG (CPCI)	57/QĐ-TTMS
24	27	J01DB04 01.05.N2	Cefazolin	lg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	2	Cefazolin 1000	VD-19310-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
25	28	J01DB02 01.05.N1	Cefazolin	750mg	Hạt pha tiêm	Tên thương mại	Lô	1	Raxson	VN-20719-17	24 tháng	Beecham S.A.	Hy Lạp	Hộp 50 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THE GIỚI MÔI VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EMA	57/QĐ-TTMS
26	29	J01DB02 01.05.N2	Cefazolin	750mg	Thuốc bột pha tiêm	Tên thương mại	Lô	2	Cefazolin 750	VD-19026-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamed	Viet Nam	Hộp 10 lg	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMED - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	57/QĐ-TTMS
27	31	J01DB02 01.01.N2	Cefazolin	250mg	Viên nén bao phim	Tên thương mại	Viên	2	Cefazolin STADA 250 mg	VD-35780-21	16 tháng	Công ty cổ phần Bionopharm	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	57/QĐ-TTMS
28	32	J01DB02 01.05.N1	Cefazolin	1 lg	Hạt pha tiêm tinh mạch	Tên thương mại	Lô	1	Medacefine 1.5g	VN-18274-13	24 tháng	Medacefine Ltd - Parvex C	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 1,5g	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Y DƯỢC QUANG MINH	57/QĐ-TTMS
29	34	J01DB02 02.01.N1	Cefazolin	500mg	Viên nén bao phim	Tên thương mại	Viên	1	Xoraxin 500mg	VN-20624-13	36 tháng	Sandoz GmbH	Áo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	57/QĐ-TTMS
30	35	J01DB02 02.01.N2	Cefazolin	500mg	Viên nén bao phim	Tên thương mại	Viên	2	Cefazolin STADA 500 mg	VD-35695-21	16 tháng	Công ty cổ phần Paracelco	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	57/QĐ-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Hình dáng	Đen vỏ/đinh	Nhiên TC/KT	Tên thuốc	SPK/GP/K	Hạn dùng (mẫu định)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà đầu	Quy định số
31	36	011MAD01.01.01.N1	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Lông	Viên	1	Paracetamol 500mg	VN-18836-15	30 tháng	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	33QB-TTMS
32	38	011MAD02.06.N1	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Tại	1	Ciprofloxacin	VN-20338-18	24 tháng	S.C. Informal Farah S.R.L	Rumania	Hộp 10 vỉ nhôm x 01 vỉ thuốc PVC x 200ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM T. N. I VIỆT NAM	60QB-TTMS
33	39	011MAD02.06.N2	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Tại	2	Ciprofloxacin	VN-20338-18	24 tháng	S.C. Informal Farah S.R.L	Rumania	Hộp 10 vỉ nhôm x 1 vỉ thuốc PVC x 200ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM T. N. I VIỆT NAM	60QB-TTMS
34	40	B01AC04.01.01.N1	Carbidamol	75mg	Viên nén bao phim	Lông	Viên	1	RIBUDOL	VN-13348-14	36 tháng	Pharmathen S.A	Greece	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	33QB-TTMS
35	41	B01AC04.01.01.N2	Carbidamol	75mg	Viên nén bao phim	Lông	Viên	2	BASARAB	VD-30756-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	53QB-TTMS
36	45	A02BC05.01.04.N1	Esomeprazole	20mg	Viên nang cứng	Lông	Viên	1	Esomeprazole 20mg	VN-18443-14	24 tháng	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 1 vỉ x 7 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMID - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BẮC LĨNH	53QB-TTMS
37	46	A02BC05.01.04.N1	Esomeprazole	20mg	Viên nang cứng	Lông	Viên	1	Esomeprazole 20mg	VN-18443-14	24 tháng	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMID - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BẮC LĨNH	53QB-TTMS
38	47	A02BC05.01.04.N2	Esomeprazole	20mg	Viên nén bao phim hạt trong ruột	Lông	Viên	2	Imace-20	VD-32619-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	53QB-TTMS
39	48	A02BC05.02.04.N1	Esomeprazole	40mg	Viên nén bao phim hạt trong ruột	Lông	Viên	1	Esomeprazole	VN-18361-14	36 tháng	Solinas Pharma GmbH	Đức	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	53QB-TTMS
40	49	A02BC05.02.04.N2	Esomeprazole	40mg	Viên nén bao phim hạt trong ruột	Lông	Viên	2	Imace	VD-28467-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	53QB-TTMS
41	50	A02BC05.02.06.N1	Esomeprazole	40mg	Bột đóng gói phôi dạng dịch uống truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Lọ	1	Solazol	VN-21738-19	24 tháng	Anfarm Hellas S.A	Greece	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HƯNG THÀNH	53QB-TTMS
42	51	A02BC05.02.06.N1	Esomeprazole	40mg	Bột đóng gói phôi dạng dịch uống truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Lọ	1	Solazol	VN-21738-19	24 tháng	Anfarm Hellas S.A	Greece	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HƯNG THÀNH	53QB-TTMS
43	52	A02BC05.02.07.N2	Esomeprazole	40mg	Bột đóng gói phôi dạng dịch uống truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Lọ	2	SUNPRANZA	VN-18096-14	24 tháng	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 01 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	33QB-TTMS
44	53	301DH51.01.06.N1	Impromen + Clonidine	500mg + 500mg	Bột pha dùng dịch uống truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Lọ	1	Impromen Clonidine Kabi	VN-21382-18	36 tháng	CSSX ACS Dobte S.p.A, CSTG ACS Dobte S.p.A	CSSX, Ý, CSTG, Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	33QB-TTMS
45	54	301DH51.01.06.N2	Impromen + Clonidine	500mg + 500mg	Bột pha dùng dịch uống truyền tĩnh mạch	Tính bằng ml	Lọ	2	Impromen Clonidine Kabi	VN-21382-18	36 tháng	CSSX ACS Dobte S.p.A, CSTG ACS Dobte S.p.A	CSSX, Ý, CSTG, Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	33QB-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ và tên	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Độc tính	Mức TCKT	Tên thuốc	SĐQG/PNK	Hạn dùng (hết hạn)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quy định số
46	33	001C004.01.01.N1	Ibuprofen	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	1	Ibuprofen 150mg	VN-71973-19	24 tháng	Berkapharma - Depman AD	Hungary	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	51QB-TTMS
47	35	001C004.01.01.N2	Ibuprofen	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	2	Halap-150	VN-27440-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hà	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG ĐỨC	51QB-TTMS
48	37	001MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	1	Medosaxol 500mg	VN-28410-21	24 tháng	Melchioria Ltd - central Pharmacy	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên, hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG COCUTHA	60QB-TTMS
49	38	001MA12.01.01.N2	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	2	125VODHD 500	VD-21516-14	36 tháng	CTCP Dược Hậu Giang - CN chi nhánh DP BHG tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	51QB-TTMS
50	39	001MA12.01.06.N1	Levofloxacin	500mg	Dạng dịch uống truyền tĩnh mạch	Thích hợp	Chai	1	Levofloxacin 500mg per solution for infusion 500mg/100ml	VN-21230-18	36 tháng	Cooper S.A. Pharmaceutica	Egypt	Hộp 1 chai 100ml	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THE GIỚI MÔI VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LMA	51QB-TTMS
51	61	001C001.01.01.N1	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	1	Cygnon 50 EC Tablets	VN-18865-15	36 tháng	Reckitt Ltd	Cyprus	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂY THĂNG LONG	51QB-TTMS
52	62	001C001.01.01.N2	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	2	Lipon 50	VD-22369-15	36 tháng	CTCP Dược Hậu Giang - Chi nhánh DP BHG tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	51QB-TTMS
53	63	001AC06.01.01.N1	Meloxicam	7,5mg	Viên nén	Uống	Vấn	1	Meloxicam-Teva 7.5mg	VN-19241-15	36 tháng	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	51QB-TTMS
54	64	001AC06.01.01.N2	Meloxicam	7,5mg	Viên nén	Uống	Vấn	2	Coxib	VD-21633-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hà	Viet Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG ĐỨC	51QB-TTMS
55	65	011DH02.01.06.N1	Meropenem	500mg	Bột để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tĩnh mạch	Lỏng	1	Meropenem Kabi 500mg	VN-20046-17	36 tháng	ACS Dobbo S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS
56	66	011DH02.01.06.N2	Meropenem	500mg	Bột để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tĩnh mạch	Lỏng	2	Meropenem Kabi 500mg	VN-20245-17	36 tháng	ACS Dobbo S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS
57	67	011DH02.02.06.N1	Meropenem	1g	Bột để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tĩnh mạch	Lỏng	1	Meropenem Kabi 1g	VN-20115-17	36 tháng	ACS Dobbo S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS
58	68	011DH02.02.06.N2	Meropenem	1g	Bột để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tĩnh mạch	Lỏng	2	Meropenem Kabi 1g	VN-20415-17	36 tháng	ACS Dobbo S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS
59	69	A10SA02.02.01.N1	Metformin hydroclorid	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	1	Metformin 1000	VN-70084-17	36 tháng	Lek S.A	Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS
60	70	A10SA02.02.01.N2	Metformin hydroclorid	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	2	Metformin 1000	VD-25267-16	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVA	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	51QB-TTMS
61	71	A10SA02.02.02.N2	Metformin hydroclorid	1000mg	Viên nén, phóng thích kéo dài	Uống	Vấn	2	Metformin Susta 1000 mg	VD-27976-17	24 tháng	Công ty TNHH Liên Doanh Sotgham - Chi nhánh 1	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DAO SÚC THUONG KAI VÀ SÁN XUẤT THUỐC BHI	51QB-TTMS
62	72	A10SA02.01.01.N1	Metformin hydroclorid	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Vấn	1	Metformin 500	VN-20389-17	36 tháng	Lek S.A	Ba Lan	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	51QB-TTMS

STT	STT theo HSMT	Mã Quốc	Họ và tên	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Minim TTKT	Tên quốc	SĐK/GPNK	Hạn dùng (nếu có)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà đầu	Quyết định số
63	74	A10BA02.01.02.N1	Ketotifen hydroclorid	50mg	Viên nén phủ màng kéo dài	Uống	Viên	1	Ketotifenat AR 50mg	VN-22176-19	36 tháng	Mark Sanofi s.r.l.	Đức	Hộp 4 vỉ x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2	57/QĐ-TTMS
64	75	A10BA02.01.02.N2	Ketotifen hydroclorid	50mg	Viên nén phủ màng kéo dài	Uống	Vỉa	2	Quartafen 500-KR	VĐ-35535-02	36 tháng	CICP Dược Hậu Giang - CN nhà máy ĐP Dệt may Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HỮU GIANG	57/QĐ-TTMS
65	76	A02HB01.01.01.N1	Clonazepam	20mg	Viên nang cứng chứa 1 hạt bao bọc trong ruột	Uống	Viên	1	CLONIPIL 20	VN-20152-16	36 tháng	Pharmax Química Y Farmaceutica VIR, S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 4 vỉ x 3 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SẮC ĐÓN	57/QĐ-TTMS
66	78	A02HB01.01.01.N1	Clonazepam	20mg	Viên nang cứng chứa 1 hạt bao bọc trong ruột	Uống	Viên	1	Tudigon	VN-15494-15	36 tháng	S.C. Nova Pharm S.R.L.	România	Hộp 7 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HUY LAM	57/QĐ-TTMS
67	80	A02BC01.02.03.N1	Omeprazol	40mg	Bột đóng gói gói phân tích máy TM	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Omeprazole Nomen 40mg	VN-20637-17	24 tháng	Laboratorios Nomen S.A	Spain	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	57/QĐ-TTMS
68	81	A02BC01.02.03.N1	Omeprazol	40mg	Bột đóng gói gói phân tích máy TM	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Omeprazole Nomen 40mg	VN-20637-17	24 tháng	Laboratorios Nomen S.A	Spain	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	57/QĐ-TTMS
69	82	L01XA05.01.05.N1	Oxyclophen	50mg	Dạng dịch đơn liều để pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Oxyclophen "Enew" 50mg/10ml	VN2-637-17	24 tháng	Enew Pharma GmbH H.Ng KG	Đức	Hộp 1 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2	57/QĐ-TTMS
70	85	L01XA05.01.07.N1	Oxyclophen	50mg	Dạng dịch đơn liều để pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Sindoclophen 50mg	VN-17211-12	48 tháng	Acrivia Italy S.p.A.	Italy	Hộp 1 lọ 50mg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG MAI	57/QĐ-TTMS
71	86	L01XA05.02.06.N1	Oxyclophen	100mg	Dạng dịch đơn liều để pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Oxyclophen "Enew" 100mg/20ml	VN2-637-17	24 tháng	Enew Pharma GmbH H.Ng KG	Đức	Hộp 1 lọ 20ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	57/QĐ-TTMS
72	87	L01CB01.02.05.N1	Prednison	120mg	Dạng dịch đơn liều để pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Prednison "Enew"	VN-20611-17	24 tháng	Enew Pharma GmbH H.Ng KG	Đức	Hộp 1 lọ 16 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2	57/QĐ-TTMS
73	88	L01CB01.01.05.N1	Prednison	50mg	Dạng dịch đơn liều để pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Prednison "Enew"	VN-20192-15	24 tháng	Enew Pharma GmbH H.Ng KG	Đức	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2	57/QĐ-TTMS
74	90	A02BC02.01.03.N1	Pantoprazol	40mg	Bột đóng gói gói phân tích	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Dacron	VN-20856-17	36 tháng	Andam belis S.A.	Georgia	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN THOẠI TRĂNG LÔNG	57/QĐ-TTMS
75	91	A02BC02.01.03.N1	Pantoprazol	40mg	Bột đóng gói gói phân tích	Tiền hậu ăn	Lọ	1	Dacron	VN-20856-17	36 tháng	Andam belis S.A.	Hy Lạp	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO	57/QĐ-TTMS
76	92	A02BC02.01.03.N2	Pantoprazol	40mg	Bột đóng gói gói phân tích	Tiền hậu ăn	Lọ	2	PANTOCID IV	VN-17790-14	24 tháng	Sar Phoscoenter Industries Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 lọ 100 + 1 lọ 100 (đang trữ Nhà kho 0,9%)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TE HA NỘI	57/QĐ-TTMS

STT	STT theo HSOT	Mã thuốc	Họ(tên)	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Mô tả TCM	Tên generic	Số đăng ký	Hạn dùng (nếu có)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà đầu tư	Quy định số
77	93	802B04.01.06.N1	Paracetamol (Acetaminophen)	1g	Dạng bột (bột trắng)	Tiêm tĩnh mạch	1g	1	Paracetamol Kabi AB	VN-20277-17	24 tháng	Novartis Kabi Deutschland GmbH	Đức	Hộp 10 x 100ml	LÔNG TỶ CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	57QD-TTMS
78	93	802A13.01.01.N1	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Karnipar	VN-73278-19	25 tháng	ERKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENASCO - CÔNG TY CỔ PHẦN VI ANH PHARMA - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HẢI LĂNG	57QD-TTMS
79	93	802A13.01.01.N2	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	SynParacetamol	VD-21894-14	36 tháng	Công ty CPDS Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	57QD-TTMS
80	93	801CR06.01.01.N1	Pipenzin + Tetracycline	4g + 5,2g	Bộ phôi đông khô bột nước	Tiêm tĩnh mạch	1g	1	Pipenzin/Tetracycline Kabi 100g	VN-43344-11	36 tháng	Novartis - Laboratories Amro, S.A.	Bồ Đào Nha	Hộp 10 g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	57QD-TTMS
81	93	806H003.01.01.N1	Paracetamol	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Paracetamol 800	VD-19138-13	36 tháng	Công ty TNHH Liên doanh Solpharm - Công nhân 1	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LĂNG	57QD-TTMS
82	100	806H003.01.01.N2	Paracetamol	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Unibon	VD-25901-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hồ	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 15 viên, Hộp 10 vỉ x 30 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	57QD-TTMS
83	101	C10A007.02.01.N1	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Chemistat 20mg	VN-21618-18	36 tháng	Medchemic Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	57QD-TTMS
84	102	C10A007.02.01.N2	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Rosuvastatin	VD-27449-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hồ	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	57QD-TTMS
85	103	C10A007.01.01.N1	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	CHEMISTATIN 10MG	VN-21617-18	36 tháng	Medchemic Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	57QD-TTMS
86	104	C10A007.01.01.N2	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Coates	VD-21180-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hồ	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	57QD-TTMS
87	105	C09CA03.01.01.N1	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Acorda 40mg	VN-20899-18	36 tháng	Acorda Ltd	Malta	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH MỸ KIMDEX BÌNH DƯƠNG	57QD-TTMS
88	106	C09CA03.01.01.N2	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Viên	2	ZHEKOF	VD-71002-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hồ	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DONGSA	57QD-TTMS
89	1	C09CA03.01.01.N1	Amlodipin	5mg	Viên nén	Uống	Viên	1	AMLODIPINE STELLA 5MG	VD-30106-18	36 tháng	Công ty TNHH Liên doanh Solpharm - Công nhân 1	Việt Nam	Hộp 5 vỉ, Hộp 5 vỉ, Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	57QD-TTMS
90	7	J01CR02.01.01.N1	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Moderin 625mg	VN-15975-12	36 tháng	Medchemic Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 4 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIVIT VIỆT NAM	57QD-TTMS
91	3	J01CR02.01.01.N1	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Amoxicillin/Clavulanic 625mg	VN-15975-13	36 tháng	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 7 vỉ x 2 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	57QD-TTMS
92	6	J01CR02.02.01.N1	Amoxicillin + Acid Clavulanic	875mg + 175mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Moderin 1g	VN-20507-17	36 tháng	Medchemic Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIVIT VIỆT NAM	57QD-TTMS
93	8	J01XG05.01.01.N1	Anastrozole	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Anastrozole	VN-2142-17	36 tháng	SynGene Biopharm, SL	Úy Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	LÔNG TỶ TNHH DƯỢC PHẨM UNIVIT VIỆT NAM	60QD-TTMS
94	9	J01XG05.01.01.N2	Anastrozole	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	ZOLOTRAZ	VN-2142-17	36 tháng	Syn Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HẢI LĂNG	57QD-TTMS
95	10	C10A003.01.01.N1	Atorvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Atorstat	VN-19882-16	24 tháng	Biotam Sp. A.	Poland	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIVIT VIỆT NAM	57QD-TTMS
96	11	C10A003.01.01.N2	Atorvastatin	10mg	Viên nén	Uống	Viên	2	Lipostat	VD-20429-13	48 tháng	CHP Dược Hậu Giang, Công nhân BP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẢI GIANG	57QD-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Hạng chất	Nồng độ	Hạng bao bì	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Nhiều TCKT	Tên thuốc	SĐK/GPDK	Hạn dùng (thời hạn)	Mã sản xuất	Nguồn gốc	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quy định sử dụng
97	12	101DB05 01.04.N1	Cefadroxil	500mg	Viên nang cứng	Viên	Viên	1	Sutram	VN-21756-19	24 tháng	S.C. Antibiotic S.A.	Roussel	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ và 10 vỉ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM LA VIỆT NAM	38QB-TTMS
98	13	101DB05 01.04.S2	Cefadroxil	500mg	Viên nang	Viên	Viên	2	Cefadroxil EG 500mg (CSNQ, EG LABO, Laboratoire Eurogenerics, địa chỉ Le Quinter, Rue A, 17 rue Dergou 92517 Boulogne Billancourt cedex France)	VN-28742-16	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrepharm	Viet Nam	Hộp 4 vỉ và 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN PYREPHARCO	38QB-TTMS
99	14	101DB01 01.06.N1	Cefepim	2g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	1	Cefepim Fresenius Kabi 2g	VN-20139-16	24 tháng	Laboratoire Fresenius Kabi S.A.	Hệ Đa Nha	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	38QB-TTMS
100	15	101DB01 01.06.N2	Cefepim	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Moxapen 2g	VD-23701-17	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrepharm	Viet Nam	10 lọ và hộp pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYREPHARCO	38QB-TTMS
101	16	101DB01 02.06.M1	Cefepim	1g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	1	Cefepim Kabi 1g	VN-22680-13	24 tháng	CSNQ, Laboratoire Fresenius Kabi S.A. CSTG, Fresenius Kabi Japan S.R.L.	CSNQ, Hệ Đa Nha, CSTG, Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	38QB-TTMS
102	17	101DB01 02.06.N2	Cefepim	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Moxapen 1g	VD-10025-13	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrepharm	Viet Nam	Hộp 10 lọ và bột pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYREPHARCO	38QB-TTMS
103	18	101DB01 01.06.N1	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Tenaxyl cefazolin 2000	VN-19448-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN TENAXY TRĂNG LÔNG	38QB-TTMS
104	19	101DB01 01.06.N2	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Cefazolin 2000	VN-19028-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
105	20	101DB01 02.06.N1	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Tenaxyl Cefazolin 1000	VD-19443-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
106	21	101DB01 02.06.N2	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Cefazolin 1000	VD-19026-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
107	22	101DB02 01.06.N1	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Tenaxyl cefazolin 2000	VD-19448-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
108	23	101DB02 01.06.N2	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Cefazolin 2000	VD-19028-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
109	24	101DB02 02.06.N1	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Tenaxyl cefazolin 1000	VD-19443-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
110	25	101DB02 02.06.N2	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Cefazolin 1000	VD-19026-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
111	26	101DB04 01.03.N1	Ceftriaxon	1g	Bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Pefracon	VN-20334-17	24 tháng	Pharmaceutical Works Pypharm S.A.	Ba Lan	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TRĂNG LÔNG (CPC)	38QB-TTMS
112	27	101DB04 01.03.N2	Ceftriaxon	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	2	Ceftriaxon 1000	VD-19010-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenaxyl	Viet Nam	Hộp 10 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC MEDIPHARCO	38QB-TTMS
113	28	101DB02 03.03.N1	Ceftriaxon	250mg	Bột pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	1	Racore	VN-20716-17	24 tháng	Bumeda S.A.	Hy Lạp	Hộp 50 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỘC VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM ĐÀ	38QB-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Hạng chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Shim	Tên thuốc	SINH PHẨM	Hạn dùng (tháng)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quyết định số
114	29	001B002 04.05.N2	Cefamandol	750mg	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm	1	2	Cefamandol 750	VD-15066-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Hộp 10 gói	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIAPHARCO	58/QĐ-TTMS
115	31	001B007 04.01.N2	Cefamandol	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Negamol 750	VD-24965-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Hộp 10 vỉ vỉa 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYL	58/QĐ-TTMS
116	32	001B002 04.05.N1	Cefamandol	1,5g	Bột pha tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lo	1	Melasetim 1,5g	VN-19244-15	24 tháng	Molaximex Ltd - Factory C	Cyprus	Hộp 1 lọ 1,5g	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC QUANG MINH	58/QĐ-TTMS
117	34	001B002 04.01.N1	Cefamandol	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Normax 500mg	VN-20624-17	36 tháng	Sandoz GmbH	Ấu	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
118	35	001B002 04.01.N2	Cefamandol	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Unimedtime STADA 500 mg	VD-35438-21	36 tháng	Công ty cổ phần Parapharm	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TR	58/QĐ-TTMS
119	36	001MA02 04.01.N1	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Melapren 500mg	VN-16970-15	36 tháng	Molaximex Ltd - Control Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 10 viên	LIÊN DANH TRUNG NAM	58/QĐ-TTMS
120	38	001MA02 04.06.N1	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Tai	1	CIPROCID	VN-20718-13	24 tháng	S.C Infomed Fluids S.R.L	Romania	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ x 1 lọ tiêm tĩnh mạch PVC x 20ml	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	58/QĐ-TTMS
121	39	001MA02 04.06.N2	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Tai	2	CIPROCID	VN-20718-13	24 tháng	S.C Infomed Fluids S.R.L	Romania	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ x 1 lọ tiêm tĩnh mạch PVC x 20ml	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	58/QĐ-TTMS
122	40	001A004 04.01.N1	Clopidogrel	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	RIDUCR	VN-17748-14	36 tháng	Pharmabio S.A	Guinea	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
123	41	001A004 04.01.N2	Clopidogrel	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	DASARIN	VD-10558-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GONSA	58/QĐ-TTMS
124	44	A02BC06 01.01.N1	Esomeprazole	20mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	1	Esomeprazole 20mg	VN-18443-14	24 tháng	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIAPHARCO	58/QĐ-TTMS
125	46	A02BC06 01.01.N1	Esomeprazole	20mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	1	Esomeprazole 20mg	VN-18443-14	24 tháng	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIAPHARCO	58/QĐ-TTMS
126	47	A02BC06 01.01.N2	Esomeprazole	20mg	Viên nén bao phim (tĩnh mạch)	Uống	Viên	2	Imactin 20	VD-37519-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	58/QĐ-TTMS
127	48	A02BC06 02.01.N1	Esomeprazole	40mg	Viên nén bao phim (tĩnh mạch)	Uống	Viên	1	Esac 40mg	VN-11681-14	18 tháng	Solima Pharma GmbH	Đức	Hộp 2 vỉ x 7 vỉ x 4 vỉ x 7 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	58/QĐ-TTMS
128	49	A02BC06 02.01.N2	Esomeprazole	40mg	Viên nén bao phim (tĩnh mạch)	Uống	Viên	2	Imactin	VD-36967-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 7 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	58/QĐ-TTMS
129	50	A02BC06 02.06.N1	Esomeprazole	40mg	Bột pha dùng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Lo	1	Solcan	VN-21738-19	24 tháng	Arlum Helas S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THẢO	58/QĐ-TTMS
130	51	A02BC06 02.07.N1	Esomeprazole	40mg	Bột pha dùng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Lo	1	Solcan	VN-21738-19	24 tháng	Arlum Helas S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THẢO	58/QĐ-TTMS
131	52	A02BC06 02.07.N2	Esomeprazole	40mg	Bột pha dùng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Lo	2	SUNPRANZA	VN-11090-14	24 tháng	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 01 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
132	53	001D051 04.06.N1	Imipenem + Cilastatin	500mg + 500mg	Bột pha dùng dịch uống (tĩnh mạch)	Tiêm tĩnh mạch	Lo	1	Imipenem/Cilastatin Kab	VN-21582-18	36 tháng	CSSC, ACS Dabur S.p.A, CSTG, ACS Dabur S.p.A	CSSC, Ý, CSTG, Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU TRUNG ƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS

STT	STT trình HSM1	Mã thuốc	Hạng chất	Nồng độ	Hạng bào chế	Đường dùng	Ban vận	Shim TCKT	Tên thuốc	SĐK/GP/NK	Hạn dùng (tháng)	Nhà sản xuất	Serie sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản	Quy định số
123	54	J01DB01, 01.08.N2	Immunon + Odonon	300mg + 500mg	Bột pha dung dịch uống truyền	Tam/ buccal	Lo	2	Immunon Citratin Kali	VN-21382-18	36 tháng	CSSC - ACS Dohele S.p.A, CSTG - ACS Dohele S.p.A	CSSC - Y, CSTG - Y	Hộp 150g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
124	55	L06CA04, 01.01.N1	Isosantan	150mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	1	Isosantan 150mg	VN-21977-19	36 tháng	Halokantama - Dapnia AD	Bulgaria	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	58/QĐ-TTMS
125	56	L06CA04, 01.01.N2	Isosantan	150mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	2	Isotop (P)	VD-27435-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KHÁNH HỒC	58/QĐ-TTMS
126	57	J01MA12, 01.01.N1	Levodopaer	500mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	1	Kedoxal 500mg	VN-22977-21	36 tháng	Merckharne Ltd - Central Pharm	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên, Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM HUY ANH	61/QĐ-TTMS
127	58	J01MA12, 01.01.N2	Levodopaer	500mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	2	LEVODOP 500	VD-21558-16	36 tháng	CITCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy BP DHC tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU GIANG	58/QĐ-TTMS
128	59	J01MA12, 01.06.N1	LevoCopaer	500mg	Tong dịch truyền truyền dinh mạch	Tam/ truyền	Chai	1	Levodopaer (suspension for infusion 500mg/100ml)	VN-21232-18	36 tháng	Cooper S A Pharmaceuticals	Ty Ltd	Hộp 3 chai 100ml	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀM THẾ GIỚI MỚI VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EMA	58/QĐ-TTMS
129	60	C05CA01, 01.06.N1	Levotanin	50mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	1	Levotan 50	VN-18892-15	60 tháng	SRLA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI NAM DỒNG	58/QĐ-TTMS
130	61	C05CA01, 01.01.N2	Levotanin	50mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	2	Lipran 50	VD-22539-15	36 tháng	CITCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy BP DHC tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU GIANG	58/QĐ-TTMS
131	62	M01AC06, 01.01.N1	Mefenacem	7.5mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Stelozem-Teva 7.5mg	VN-19041-15	36 tháng	Teva Pharmaceutical Works (Piscataway) Limited Company	Hungary	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	58/QĐ-TTMS
132	63	M01AC06, 01.01.N2	Mefenacem	7.5mg	Viên nén	Uống	Viên	2	Exoran	VD-31633-15	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 6 vỉ x 10 vỉ, Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KHÁNH HỒC	58/QĐ-TTMS
133	64	K01DH02, 01.05.N1	Meropenem	500mg	Bột để pha dung dịch uống, tiêm truyền	Tam/ truyền	Lo	1	Meropenem Kali 500mg	VN-20246-13	36 tháng	ACE Dohele S.P.A	Y	Bột 10g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
134	65	K01DH02, 01.05.N2	Meropenem	500mg	Bột để pha dung dịch uống, tiêm truyền	Tam/ truyền	Lo	2	Meropenem Kali 500mg	VN-20246-17	36 tháng	ACS Dohele S.P.A	Y	Bột 10g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
135	66	K01DH02, 02.05.N1	Meropenem	1g	Bột pha dung dịch uống, tiêm truyền	Tam/ truyền	Lo	1	Meropenem Kali 1g	VN-20413-17	36 tháng	ACS Dohele S.P.A	Y	Hộp 10 g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
136	67	K01DH02, 02.05.N2	Meropenem	1g	Bột pha dung dịch uống, tiêm truyền	Tam/ truyền	Lo	2	Meropenem Kali 1g	VN-20413-17	36 tháng	ACS Dohele S.P.A	Y	Hộp 10 g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
137	68	A10BA02, 02.01.N1	Metformin hydrochlorid	1000mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	1	Megharon 1000	VN-20258-17	36 tháng	Lek S.A	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	58/QĐ-TTMS
138	69	A10BA02, 02.01.N2	Metformin hydrochlorid	1000mg	Viên nén bao phủ	Uống	Viên	2	Metas 1000	VD-23253-16	36 tháng	Công ty CRDP SeV	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	58/QĐ-TTMS
139	70	A10BA02, 02.05.N2	Metformin hydrochlorid	1000mg	Viên nén phòng thích bào dục	Uống	Viên	3	Metformin Soluta 1000mg	VD-27326-17	24 tháng	Công ty TNHH Iph Doanh (Stefapharm - Chi nhánh)	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ, Hộp 6 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ THUỐC MẠI VÀ SẢN XUẤT THAI BÌNH	58/QĐ-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ/tên chất	Số lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhãn, TC/KT	Tên thuốc	SĐK/GPNK	Hạn dùng (thời hạn)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quy định số
150	72	A10BA02.01.01.N1	Metformin hydrochlorid	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Metformin 500	VN-20289-12	36 tháng	Tak S.A	Italia	Hộp 6 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS
151	74	A10BA02.01.02.N1	Metformin hydrochlorid	500mg	Viên nén phôi nang lõi rỗng	Uống	Viên	1	Glucophage XR 500mg	VN-22150-15	36 tháng	Merck Santé s.r.l	Pháp	Hộp 4 vỉ x 15 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS
152	75	A10BA02.01.02.N2	Metformin hydrochlorid	500mg	Viên nén phôi nang lõi rỗng	Uống	Viên	2	FANFOR 500-500	VN-20018-16	36 tháng	Imviro Healthcare Limited	India	Hộp 5 vỉ x 20 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
153	76	A02BC01.01.01.N1	Gliclazid	20mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Medogliclaz 20 mg	VN-21428-18	36 tháng	Medochemia Ltd.-Central Factory	Cyprus	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	LIÊN DANH TRUNG NAM	58/QĐ-TTMS
154	78	A02BC01.01.04.N1	Gliclazid	300mg	viên nén	Uống	Viên	1	Medogliclaz 20mg	VN-21428-18	36 tháng	Medochemia Ltd.-Central Factory	Cyprus	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	LIÊN DANH TRUNG NAM	58/QĐ-TTMS
155	80	A02BC01.02.05.N1	Gliclazid	40mg	Bột đóng gói sẵn dịch tiêm TM	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Onaprazole Nomen 40mg	VN-20083-17	24 tháng	Labormerics Nomen S.A	Spain	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
156	81	A02BC01.02.07.N1	Gliclazid	60mg	Bột đóng gói sẵn dịch tiêm TM	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Onaprazole Nomen 40mg	VN-20083-17	24 tháng	Labormerics Nomen S.A	Spain	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
157	87	L01XAB05.01.06.N1	Oxalipatin	30mg	Dạng dịch tiêm để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Oxalipatin "Elsava" 50mg/ 5ml	VN2-635-17	24 tháng	Elsava Pharma GmbH H.Ng.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS
158	89	L01XAB05.02.06.N1	Oxalipatin	100mg	Dạng dịch tiêm để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Oxalipatin "Elsava" 100mg/20ml	VN2-635-17	24 tháng	Elsava Pharma GmbH H.Ng.KG	Áo	Hộp 1 lọ 20ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	58/QĐ-TTMS
159	87	L01XD01.02.06.N1	Paclitaxel	100mg	Dạng dịch tiêm để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Paclitaxel "Elsava"	VN-20081-17	24 tháng	Elsava Pharma GmbH H.Ng.KG	Áo	Hộp 1 lọ 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS
160	88	L01XD01.04.06.N1	Paclitaxel	50mg	Dạng dịch tiêm để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Paclitaxel "Elsava"	VN-20152-16	24 tháng	Elsava Pharma GmbH H.Ng.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS
161	90	A03BA02.01.01.N1	Paracetamol	400mg	Bột đóng gói sẵn viên nén	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Ulcexon	VN-20256-13	36 tháng	Aufim hofos S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN CƯỜNG PHÁT	58/QĐ-TTMS
162	91	A03BA02.01.07.N1	Paracetamol	400mg	Bột đóng gói sẵn viên nén	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Ulcexon	VN-20256-13	36 tháng	Aufim hofos S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN CƯỜNG PHÁT	58/QĐ-TTMS
163	92	A03BC02.01.07.N2	Paracetamol	400mg	Bột đóng gói sẵn viên nén	Tiêm/ truyền	Lọ	2	FANTOCID IV	VN-17793-14	24 tháng	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 1 lọ bột + 1 lọ 10ml dung dịch tiêm tĩnh mạch 0,5%	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	58/QĐ-TTMS
164	93	N02BA01.01.06.N1	Paracetamol (Acetaminophen)	5	Dạng dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền	Lọ	1	Paracetamol Kabi AD	VN-20673-17	24 tháng	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Hộp 10 lọ 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	58/QĐ-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Hạt nhân	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Mô tả TĐKT	Tên thuốc	SĐKING/PMIC	Hạn dùng (tháng)	Nơi sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất	Quốc gia
165	95	NG2A1.7.01.01.N1	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Rendolpa	VN-23270-14	36 tháng	KILKA, B. O. Novo Medica	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMID - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH PHARCO	VIỆT NAM
166	96	NG2A1.7.01.01.N2	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Sevofarmol Plus	VD-21194-14	36 tháng	Công ty CHOP B.V.	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAKI	VIỆT NAM
167	98	ED0801.01.02.N1	Paracetamol + Tramadol	lg + 0,5g	Bà chỉ định, chỉ tiêu thuốc	Tiền phẫu	lg	1	Hyperalgin/Tamoxifen Kabi-kgb,lg	VN-11544-11	36 tháng	Lactaid - Lactamedes Abrax S.A	Bồ Đào Nha	Hộp 10 lg	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG	VIỆT NAM
168	100	NG03N3.01.01.N2	Paracetamol	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Cofesolad	VD-28901-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	VIỆT NAM
169	101	CI00A07.02.01.N1	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Cherivastin 20mg	VN-21618-18	36 tháng	Medochemie Ltd - Control Factory	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	VIỆT NAM
170	102	CI00A07.02.01.N2	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Kerastat 20	VD-21443-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	VIỆT NAM
171	103	CI00A07.01.01.N1	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	CHERIVASTIN 10MG	VN-21617-18	36 tháng	Medochemie Ltd - Control Factory	Cộng hòa Síp	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TRACHE NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	VIỆT NAM
172	104	CI00A07.01.01.N2	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Costrast	VD-21907-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG DUC	VIỆT NAM
173	105	CI00A07.01.01.N1	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Acarda 40mg	VN-20894-18	36 tháng	Acarda Ltd	Malta	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	VIỆT NAM
174	106	CI00A07.01.01.N2	Telmisartan	40mg	Viên nén	Uống	Viên	2	ZHEROF	VD-21075-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Ph	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	VIỆT NAM
175	1	CI08CA70.01.01.N1	Amlodipin	5mg	Viên nén	Uống	Viên	1	AMLODIPINE STELLA 5MG	VD-30105-18	36 tháng	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Unichem 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	VIỆT NAM
176	3	BD0CR02.01.01.N1	Amlodipin + Acid Clozidat	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medolac 625mg	VN-15871-12	36 tháng	Medochemie Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 4 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIV VIỆT NAM	VIỆT NAM
177	5	BD0CR02.01.01.N1	Amlodipin + Acid Clozidat	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Amlodipin Quadez 625mg	VN-18372-12	36 tháng	Lac Pharmaceuticals Ltd	Slovenia	Hộp 7 vỉ x 2 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	VIỆT NAM
178	6	BD0CR02.01.01.N1	Amlodipin + Acid Clozidat	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medolac 1g	VN-20357-17	24 tháng	Medochemie Ltd - Factory B	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIV VIỆT NAM	VIỆT NAM
179	8	LD2BG03.01.01.N1	Amlodipin	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Astromol	VN7-547-17	36 tháng	Synthon Therapeutics NL	Bồ Đào Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIV VIỆT NAM	VIỆT NAM
180	9	LD2BG03.01.01.N2	Amlodipin	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Zelam	VN7-507-17	36 tháng	Sri Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	VIỆT NAM
181	10	CI00A05.01.01.N1	Amlodipin	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Amlod 10	VN-19882-14	24 tháng	Biotime Sp. aac	Poland	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UNIV VIỆT NAM	VIỆT NAM
182	11	CI00A05.01.01.N2	Amlodipin	10mg	Viên nén	Uống	Viên	2	Lipac 10	VD-20899-14	48 tháng	CICP Dược Hữu Giang - CN nhà máy BP HUNG HAI Hữu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HỮU GIANG	VIỆT NAM
183	12	BD0B01.01.01.N1	Cefixim	500mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Ximora	VN-21356-19	24 tháng	S.C. Antibiotic S.A	Rumania	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TRACHE NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI VIỆT NAM	VIỆT NAM

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ và tên	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhãn hiệu	Tên thuốc	Số đăng ký	Hạn dùng (thời hạn)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quy định số
184	13	J01DB05.01.04.N2	Cefixime	500mg	Viên nang	Uống	Viên	2	Cefixime 500mg (J01DB05.01.04.N2) - Laboratoire EuroGenerics địa chỉ: Le Quintal - Bp 3, 12 rue Darjou 92013 Boulogne Billancourt cedex France	VD-23342-16	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Paracelaco	Việt Nam	Hộp 10 viên nang cứng	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	59QD-TIMS
185	14	J01DE01.01.06.N1	Cefepim	2g	Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Cefepim Fresenius Kabi 2g	VN-20130-16	24 tháng	Laboratoire Fresenius Kabi, S.A.	Hồ Bắc Nha	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	59QD-TIMS
186	15	J01DE01.01.08.N2	Cefepim	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Micropin 2g	VD-28701-17	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrexpharco	Việt Nam	Hộp 10 bột pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	59QD-TIMS
187	16	J01DE01.02.06.N1	Cefepim	1g	Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Cefepim Kabi 1g	VN-20082-17	24 tháng	CSSR, Laboratoire Fresenius Kabi, S.A. CSO, Fresenius Kabi (Spain) S.R.L.	CSSR, Hồ Bắc Nha CSO, Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	59QB-TIMS
188	17	J01DE01.02.08.N2	Cefepim	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Micropin 1g	VD-20625-15	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrexpharco	Việt Nam	Hộp 10 bột pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	59QB-TIMS
189	18	J01DE01.01.06.N1	Ceftriaxone	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Tenamp-ceftriaxone 2000	VD-19445-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
190	19	J01DE01.01.06.N2	Ceftriaxone	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Ceftriaxone 2000	VD-19013-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
191	20	J01DE01.02.06.N1	Ceftriaxone	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Tenamp-ceftriaxone 1000	VD-19441-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
192	21	J01DE01.02.06.N2	Ceftriaxone	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Ceftriaxone 1000	VD-19007-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
193	22	J01DE01.01.06.N1	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Tenamp-cefazolin 2000	VD-19448-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
194	23	J01DE01.01.06.N2	Cefazolin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Cefazolin 2000	VD-19013-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
195	24	J01DE01.02.06.N1	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Tenamp-cefazolin 1000	VD-19447-15	24 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
196	25	J01DE01.02.06.N2	Cefazolin	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Cefazolin 1000	VD-19013-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
197	26	J01DD04.01.06.N1	Ceftriaxone	1g	Bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pelmoort	VN-20034-17	24 tháng	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Hồ Bắc	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CNCI	59QB-TIMS
198	27	J01DD04.01.06.N2	Ceftriaxone	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Ceftriaxone 1000	VD-19013-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
199	28	J01DD01.01.06.N1	Cefazolin	750mg	Bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Reccant	VN-20716-17	24 tháng	Reccant S.A.	Đức	Hộp 30 lọ	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC TIỀN THÀNH	59QB-TIMS
200	29	J01DD01.01.06.N2	Cefazolin	750mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Cefazolin 750	VD-19005-15	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamp	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM TENAMYP	59QB-TIMS
201	31	J01DD01.01.01.N1	Cefazolin	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Negacel 250	VD-24965-16	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrexpharco	Việt Nam	Hộp 10 viên nén bao phim	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	59QB-TIMS
202	32	J01DD01.04.06.N1	Cefazolin	1,5g	Bột pha tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Molaxone 1,5g	VN-19244-15	24 tháng	Molaxone Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 1 lọ x 1,5g	CÔNG TY KHÁCH NHIỆM ĐƯỢC Y ĐƯỢC QUANG ANH	59QB-TIMS
203	34	J01DD01.02.01.N1	Ceftriaxone	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Nocox 500mg	VN-20624-17	36 tháng	Sarbac GmbH	Đức	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	59QB-TIMS
204	35	J01DD01.02.01.N2	Ceftriaxone	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Negacel 500	VD-24965-16	36 tháng	Công Ty Cổ Phần Pyrexpharco	Việt Nam	Hộp 10 vỉ viên nén bao phim	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	59QB-TIMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ tên chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhiệt độ bảo quản	Tên thuốc	SĐKC/PNK	Hạn dùng (tháng)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên chủ cửa	Quốc tịch
205	36	J01MA02.01.01.N1	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medipharma 500 mg	VN-16939-13	36 tháng	Medichem Ltd.-Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 10 viên	HỆM DANH TRUNG NAM	59QD-TIMS
206	38	J01MA07.02.06.N1	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch thuốc (túi nhỏ)	7-10 ngày	Túi	1	CTPROHD	VN-20878-18	24 tháng	S.C. Infared Pharms S.R.L.	Romania	Hộp 10 vỉ x 10 ml thuốc PVC x 200ml	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VIÊN ĐỨC SÀI GÒN	59QD-TIMS
207	39	J01MA07.02.06.N2	Ciprofloxacin	400mg	Dạng dịch thuốc (túi nhỏ)	7-10 ngày	Túi	5	CTPROHD	VN-20878-18	24 tháng	S.C. Infared Pharms S.R.L.	Romania	Hộp 10 vỉ x 10 ml thuốc PVC x 200ml	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VIÊN ĐỨC SÀI GÒN	59QD-TIMS
208	40	B01AC04.01.01.N1	Clopidogrel	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Raflo	VN-17718-14	36 tháng	Hamameth S.A	Greece	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TIMS
209	41	B01AC04.01.01.N2	Clopidogrel	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	DASARMS	VD-20338-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hải	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	59QD-TIMS
210	44	A02BC03.01.04.N1	Ecoxaproxal	20mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	1	Enzema 20mg	VN-18447-14	24 tháng	KRKA, J.D., Novo Medo	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMVI	59QD-TIMS
211	45	A02BC03.01.01.N1	Ecoxaproxal	20mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	1	Enzema 20mg	VN-18447-14	24 tháng	KRKA, J.D., Novo Medo	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMVI	59QD-TIMS
212	47	A02BC03.01.01.N2	Ecoxaproxal	20mg	Viên nén bao phim (nang cứng)	Uống	Viên	2	Jurade-20	VD-22619-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hải	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	59QD-TIMS
213	48	A02BC03.02.01.N1	Ecoxaproxal	40mg	Viên nén bao phim (nang cứng)	Uống	Viên	1	Enma 40mg	VN-18931-14	18 tháng	Salvia Pharma GmbH	Đức	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	59QD-TIMS
214	49	A02BC03.02.01.N2	Ecoxaproxal	40mg	Viên nén bao phim (nang cứng)	Uống	Viên	2	Enma 40mg	VD-28455-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hải	Viet Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	59QD-TIMS
215	50	A02BC03.02.03.N1	Ecoxaproxal	40mg	Bột đông, khi pha dùng dịch (túi nhỏ) (nang cứng)	Tiền/ thuốc	lọ	1	Sulzol	VN-21738-19	24 tháng	Aefoni Helas S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TIMS
216	51	A02BC03.02.03.N1	Ecoxaproxal	40mg	Bột đông, khi pha dùng dịch (túi nhỏ) (nang cứng)	Tiền/ thuốc	lọ	1	Sulzol	VN-21738-19	24 tháng	Aefoni Helas S.A	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TIMS
217	52	A02BC03.02.03.N2	Ecoxaproxal	40mg	Bột đông, khi pha dùng dịch (túi nhỏ) (nang cứng)	Tiền/ thuốc	lọ	2	Sulzol	VN-18931-14	24 tháng	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TIMS
218	53	B01BA01.01.06.N1	Imipenem - Cilastatin	500mg - 500mg	Bột pha dùng dịch (túi nhỏ) (nang cứng)	Tiền/ thuốc	lọ	1	Imipenem Cilastatin Kab	VN-21782-18	36 tháng	CSSN - ACS Dofar S.p.A, UNIG - ACS Dofar S.p.A	CSSN - V, CS III - V	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỮU HẠN LÔNG 2	59QD-TIMS
219	54	B01BA01.01.06.N2	Imipenem - Cilastatin	500mg - 500mg	Bột pha dùng dịch (túi nhỏ) (nang cứng)	Tiền/ thuốc	lọ	7	Imipenem Cilastatin Kab	VN-21782-18	36 tháng	CSSN - ACS Dofar S.p.A, UNIG - ACS Dofar S.p.A	CSSN - V, CS III - V	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỮU HẠN LÔNG 2	59QD-TIMS
220	55	C09CA06.01.01.N1	Ibuprofen	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	5	Ibuprofen 50mg	VN-21877-18	36 tháng	Balkanpharma - Duponts AD	Bulgaria	Hộp 7 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH MỸ VINHCHINH BÌNH DƯƠNG	59QD-TIMS
221	56	C09CA06.01.01.N2	Ibuprofen	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	7	Ibuprofen 50	VD-27410-17	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hải	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TIMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ và tên	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nguồn gốc	Tên thuốc	SĐK/GPSPK	Hạn dùng/trải thời	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà đầu tư	Quyết định số
221	57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Medonoxal 500mg	VN-27832-24	24 tháng	Medachemie Lab. central Factory	Expone	Hộp 1 vỉ x 5 viên liều 1 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG LƯƠNG CUDOPHA	67/QĐ-TTMS
222	58	J01MA12.01.01.N2	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	LEVODHIG 500	VB-21556-14	36 tháng	C-ICP Dược Hậu Giang - CS nhà máy BP DHG tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẢI GIANG	59/QĐ-TTMS
223	59	J01MA12.01.06.N1	Levofloxacin	500mg	Hạng nhũ tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	1	Levofloxacin/ceftazidime for injection 500mg/100ml	VN-21235-18	36 tháng	Cooper S.A. Pharmaceutics	Hy Lạp	Hộp 1 chai 100ml	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỸ VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SINA	38/QĐ-TTMS
224	60	C08CA01.01.01.N1	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Losart 50	VB-20071-12	36 tháng	Công ty TNHH Liên doanh Sotapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TRẢI NIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM KINH DUY	59/QĐ-TTMS
225	61	C08CA01.01.01.N2	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Lapex 50	VB-22369-15	36 tháng	C-ICP Dược Hậu Giang - CS nhà máy BP DHG tại Hậu Giang	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẢI GIANG	59/QĐ-TTMS
226	62	M01AC16.01.01.N1	Molipronam	5,0mg	Viên nén	Uống	Viên	1	Molipronam-Teva Việt Nam	VN-19041-15	36 tháng	Teva Pharmaceutical Winco Private Limited Company	Hungary	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH MTV VINEMEDIX BÌNH DƯƠNG	28/QĐ-TTMS
227	63	M01AC16.01.01.N2	Molipronam	7,5mg	Viên nén	Uống	Viên	2	Coxalis	VB-21633-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phát	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ, Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HANG DUC	59/QĐ-TTMS
228	64	J01DH02.01.06.N1	Menoprenam	500mg	Bột, để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	1	Menoprenam Kali 500mg	VN-20045-17	36 tháng	ACS Dofra S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
229	65	J01DH02.01.06.N2	Menoprenam	500mg	Bột, để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	2	Menoprenam Kali 500mg	VN-20045-17	36 tháng	ACS Dofra S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
230	66	J01DH02.02.06.N1	Menoprenam	1g	Bột, để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	1	Menoprenam Kali 1g	VN-20415-17	36 tháng	ACS Dofra S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
231	67	J01DH02.02.06.N2	Menoprenam	1g	Bột, để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tiêm truyền	Lọ	2	Menoprenam Kali 1g	VN-20415-17	36 tháng	ACS Dofra S.P.A	Ý	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
232	68	A10BA02.02.01.N1	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Mefenem 1000	VN-20788-17	36 tháng	Lak S.A	Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 15 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
233	69	A10BA02.02.01.N2	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Mefenem 1000	VB-25253-16	36 tháng	Công ty CPDP Savi	Viet Nam	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	59/QĐ-TTMS
234	70	A10BA02.02.02.N1	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén phôi thuốc có đường	Uống	Viên	2	Mefenem Bula 1000 mg	VB-27325-17	24 tháng	Công ty TNHH Liên Doanh Sotapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ, Hộp 6 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	59/QĐ-TTMS
235	71	A10BA02.02.02.N2	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Mefenem 500	VN-20255-17	36 tháng	Lak S.A	Ba Lan	Hộp 6 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
236	72	A10BA02.02.02.N1	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén phôi thuốc có đường	Uống	Viên	1	Chlorphage SA 500mg	VN-22175-19	36 tháng	Mark Sante s.a.s	Pháp	Hộp 4 vỉ x 10 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	59/QĐ-TTMS
237	73	A10BA02.02.02.N2	Mefenem hydroclorid	1000mg	Viên nén phôi thuốc có đường	Uống	Viên	2	Parice SR-200	VN-20076-16	36 tháng	Indevco Healthcare Limited	India	Hộp 3 vỉ x 20 vỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59/QĐ-TTMS

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ và tên	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhiệt độ	Tên thuốc	SĐK/GPDK	Hạn dùng (tháng)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thuốc	Quy định số
239	76	A02BC01 01.01.N1	Omeprazole	20mg	Viên nang	Uống	Viên	1	Modoprazole 20 mg	VN-21026-18	30 tháng	Modochema Ltd-Control Pharmacy	Cộng hòa	Hộp 10 viên x 10 viên	LIÊN DANH TRUNG NAM	59QD-TTMS
240	78	A02BC01 01.04.N1	Omeprazole	20mg	Viên nang	Uống	Viên	1	Modoprazole 20 mg	VN-21026-18	30 tháng	Modochema Ltd-Control Pharmacy	Cộng hòa	Hộp 10 viên x 10 viên	LIÊN DANH TRUNG NAM	59QD-TTMS
241	80	A02BC01 02.05.N1	Omeprazole	40mg	Hộp đóng gói để pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Loridin	VN-21041-18	18 tháng	CSSX liên đồng khởi Vinmec S.A - Part C, CSSX được trừ: Vinmec S.A - Phần A'	Greece	Hộp 1 lọ bột; ống đổ + 1 ống dung dịch 1ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM DAN	59QD-TTMS
242	81	A02BC01 02.07.N1	Omeprazole	40mg	Hộp đóng gói để pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Loridin	VN-21044-18	18 tháng	CSSX liên đồng khởi Vinmec S.A - Part C, CSSX được trừ: Vinmec S.A - Phần A'	Greece	Hộp 1 lọ bột; ống đổ + 1 ống dung dịch 1ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM DAN	59QD-TTMS
243	83	L01XAB05 01.05.N1	Qualiphen	50mg	Dạng giải độc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Qualiphen "Ebewe" 50mg/10ml	VN-2037-17	24 tháng	Ebewe Pharma, GmbH H.Ng KG	Áo	Hộp 1 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THƯƠNG ƯƠNG 2	59QD-TTMS
244	86	L01XAB05 07.05.N1	Qualiphen	100mg	Dạng giải độc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Qualiphen "Ebewe" 100mg/20ml	VN-2035-17	24 tháng	Ebewe Pharma, GmbH H.Ng KG	Áo	Hộp 1 lọ 20ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	59QD-TTMS
245	87	L01XCD04 02.05.N1	Pactinavel	100mg	Dạng giải độc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pactinavel "Ebewe"	VN-20581-17	24 tháng	Ebewe Pharma, GmbH H.Ng KG	Áo	Hộp 1 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THƯƠNG ƯƠNG 2	59QD-TTMS
246	88	L01XCD04 01.05.N1	Pactinavel	10mg	Dạng giải độc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pactinavel "Ebewe"	VN-20192-16	24 tháng	Ebewe Pharma, GmbH H.Ng KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THƯƠNG ƯƠNG 2	59QD-TTMS
247	90	A02BC02 01.05.N1	Pantoprazole	40mg	Tiêu hóa liên đồng khởi pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pantopraz	VN-21751-19	24 tháng	Dana S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Hộp 2 lọ, hộp 10 lọ, hộp 50 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THƯƠNG ƯƠNG CỎU PHA	59QD-TTMS
248	91	A02BC02 01.07.N1	Pantoprazole	40mg	Tiêu hóa liên đồng khởi pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pantopraz	VN-21741-19	24 tháng	Dana S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Hộp 5 lọ, hộp 10 lọ, hộp 50 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THƯƠNG ƯƠNG CỎU PHA	59QD-TTMS
249	92	A02BC02 01.07.N2	Pantoprazole	40mg	Bột đóng gói để pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	2	Pantocid IV	VN-17792-14	24 tháng	Sun Pharmaceutical Industries, Ltd.	Israel	Hộp 1 lọ bột + 1 lọ 10ml dung dịch NaHCO ₃ 0,9%	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	59QD-TTMS
250	95	N02BA01 01.05.N1	Paracetamol (Acetaminophen)	1g	Dạng giải độc tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Paracetamol Kabi AD	VN-20577-13	24 tháng	Freemate Kabi, Deutschland GmbH	Đức	Hộp 10 lọ 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THƯƠNG ƯƠNG 2	59QD-TTMS
251	95	N02A313 01.07.N1	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	1	Paracetamol	VN-20258-13	36 tháng	KKKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 7 viên x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HUNAMVI	59QD-TTMS
252	96	N02A313 01.07.N2	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	2	Paracetamol Plus	VN-21894-14	36 tháng	Chengye CHUP S&P	Viet Nam	Hộp 7 viên x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM S&P	59QD-TTMS
253	98	J01CB05 01.07.N1	Pipracilic + Trastacem	4g + 0,2g	Hộp pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	1	Pipracilic/Trastacem Kabi 4g/0,2g	VN-17544-11	36 tháng	Labotec - Laboratorios Almirall S.A.	Đài Loan, Nha	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THƯƠNG ƯƠNG 2	59QD-TTMS



STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Họ và tên	Nồng độ	Hạng bào chế	Hương vị	Đặc tính	Tham khảo	Tên thuốc	Số đăng ký	Hạn dùng (năm)	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà đầu tư	Quy định số
254	99	N05BA01 01.01.N1	Pracatan	100mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	1	Pracatan 100	YD-18334-13	36 tháng	Công ty TNHH Liên doanh Sotapharm - Cho thành	Viet Nam	Hộp 5 vỉ x 12 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẠM KHƯƠNG ĐI Y	3AQB-TTMS
255	100	N05BA02 01.01.N2	Pracatan	100mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	2	Conatad	YD-20901-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HANG ĐỐC	3AQD-TTMS
256	101	C10AA03 02.01.N1	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	1	Cheminostat 20mg	VN-2-615-18	36 tháng	Medichemical Ltd - central factory	Uganda	Hộp 4 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN XIN	3AQE-TTMS
257	102	C10AA03 02.01.N2	Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	2	Rosuvastatin-20	YD-21479-13	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HANG ĐỐC	3AQE-TTMS
258	103	C10AA03 01.01.N1	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	1	CHEMISTATIN 10MG	VN-2-617-18	36 tháng	Medichemical Ltd - central factory	Cộng hòa Síp	Hộp 6 vỉ x 7 viên	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	3AQD-TTMS
259	104	C10AA03 01.01.N2	Rosuvastatin	10mg	Viên nén bao phim	Lắng	Viên	2	Conatad	YD-2-987-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HANG ĐỐC	3AQD-TTMS
260	105	C05CA02 01.01.N1	Telmisartan	40mg	Viên nén	Lắng	Viên	1	Azoban 40mg	VN-20099-18	36 tháng	Azoban Ltd.	Malta	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH MTV VIMEBIMEX BONE DƯƠNG	3AQE-TTMS
261	106	C05CA02 01.01.N2	Telmisartan	40mg	Viên nén	Lắng	Viên	2	ZHEKID	YD-21694-14	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Viet Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	3AQE-TTMS